

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31 tháng 3 năm 2021
V/v xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Điều Hoàng; Bà Nguyễn Thị Quy.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 406/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Mỹ D - sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ A, ấp S, xã T, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Trần Tiến T - sinh năm 1952.

Địa chỉ: Tổ A, ấp S, xã T, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2020; bản tự khai; nguyên đơn, bà Hồ Thị Mỹ D trình bày:

Bà và ông Trần Tiến T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1990 đến năm 2007 thì mới đăng ký kết hôn và được UBND xã Thanh Sơn cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 248 ngày 14/8/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống hạnh phúc đến năm 2014 thì ông T lại có tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn. Nay cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Tiến T.

Bà và ông T có 03 con chung là Trần Quang Tr - sinh ngày 21/02/1991, Trần Thị Thanh T1 - sinh ngày 19/4/1993 và Trần Quang Th – sinh ngày 15/8/1998. Các con chung đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết.

Bà và ông T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Trần Tiến T: Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt, không nêu ý kiến về việc khởi kiện của bà D.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đều đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì. Về đường lối xử lý vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông T. Các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên Tòa án không giải quyết. Bà D, ông T không có tài sản chung, nợ chung nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Trần Tiến T trú tại xã Thanh Sơn, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà Hồ Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T, không yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chia tài sản chung nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc vắng mặt các đương sự: Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt (BL 19); Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà D, ông T tự nguyện đăng ký kết hôn; hôn nhân không vi phạm điều cấm nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Cuộc sống vợ chồng giữa bà D, ông T không hạnh phúc và hai người không còn quan tâm đến nhau (BL 24). Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến để hòa giải đoàn tụ cho hai người nhưng ông T không đến, nên ông T không còn mong muốn đoàn tụ. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của bà D, ông T là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông T.

[5] Về quan hệ con chung: Bà D, ông T có 03 con chung đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, giải quyết

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D, ông T không yêu cầu nên Tòa án không

xem xét, giải quyết.

[7] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 92, 93, 95 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Mỹ D được ly hôn với ông Trần Tiến T.
2. Về con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ: Bà D phải chịu. Bà D đã nộp tạm ứng 300.000đ (theo biên lai số 0005383 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán) được chuyển thu án phí.
5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Định Quán;
- Thi hành án dân sự H. Định Quán;
- UBND cấp xã (ghi vào sổ hộ tịch);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hòa

